

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ CAO QUỐC TẾ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ CAO QUỐC TẾ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: INTERNATIONAL HIGH-TECH MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CTCP SẢN XUẤT CÔNG NGHỆ CAO QUỐC TẾ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109809952

**3. Ngày thành lập:** 09/11/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 10, ngõ 20, thôn Phù Lặc, Xã Cao Viên, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0922.512.222

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết: Bán buôn thủy sản; Bán buôn thực phẩm khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4632     |
| 2.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4633     |
| 3.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: - Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su | 4663     |
| 4.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp;<br>- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hoá chất khác sử dụng trong nông nghiệp;<br>- Bán buôn hoá chất và vật tư thiết bị ngành thủy sản;<br>- Bán buôn hoá chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).                                                                                                                                                                            | 4669     |
| 5.  | Nuôi trồng thủy sản biển                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 0321     |
| 6.  | Nuôi trồng thủy sản nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 0322     |
| 7.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo<br>chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4711     |
| 8.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4719     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                        | 4722        |
| 10. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                 | 1020        |
| 11. | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                          | 1079        |
| 12. | Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng                                                                                                                                 | 1104        |
| 13. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                | 2011        |
| 14. | Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp                                                                                                 | 2021        |
| 15. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                          | 2022(Chính) |
| 16. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                  | 2023        |
| 17. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                  | 2029        |
| 18. | Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu<br>Chi tiết: Sản xuất hoá liệu và dược liệu                                                                                       | 2100        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn                              | 2599        |
| 20. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                 | 5630        |
| 21. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                    | 4752        |
| 22. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 23. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 1.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | NGUYỄN<br>ĐÌNH TIỆP | Thôn Phù Lạc, Xã<br>Cao Viên, Huyện<br>Thanh Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 20.000        | 200.000.000              | 2,000        | 0010830222<br>59                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 20.000        | 200.000.000              | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | LÊ VĂN<br>LƯƠNG     | Xóm Tràng Sơn,<br>Xã Sơn Thành,<br>Huyện Yên<br>Thành, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam   | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 950.000       | 9.500.000.000            | 95,000       | 0400830072<br>15                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    | Tổng số                            | 950.000       | 9.500.000.000            | 95,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |              |                                                                    |                           |        |             |       |           |
|---|--------------|--------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|-------|-----------|
| 3 | LÊ THỊ TRANG | Xóm Phúc Hậu, Xã Nghi Liên, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 30.000 | 300.000.000 | 3,000 | 186919874 |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                    | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000 |           |
|   |              |                                                                    | Tổng số                   | 30.000 | 300.000.000 | 3,000 |           |
|   |              |                                                                    |                           |        |             |       |           |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ VĂN LƯƠNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 01/01/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040083007215

Ngày cấp: 29/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Tràng Sơn, Xã Sơn Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Tràng Sơn, Xã Sơn Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội